TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY ĐỨC** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 5 - 2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phiếm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thiên Viết và bà Võ Thị Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 198/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2023 về việc "*Kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thanh T1, sinh năm 1995 - có mặt;

Địa chỉ: Bon Đ, xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông;

Bị đơn: Anh Phạm Tiến T2, sinh năm 1994 - có đơn xin xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn A, xã ĐS, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T1 trình bày:

Chị Trần Thị Thanh T1 và anh Phạm Tiến T2 sau một thời gian tìm hiểu, yêu đương thì tiến tới hôn nhân chung sống với nhau từ năm 2018 và có đăng ký kết hôn vào ngày 14/8/2019 tại Ủy ban nhân dân xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, lừa dối. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc và có 01 con chung là: Phạm Phương Nhã U, sinh ngày 02 tháng 10 năm 2018.

Tuy nhiên, sau đó giữa hai vợ chồng không còn hạnh phúc nữa mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân là do anh T2 thường xuyên bỏ nhà đi, không lo tu chí làm ăn gì cả, kể từ đó mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, anh T2 còn đánh đập chị T1 và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2020 đến nay. Hiện tại chị T1 không còn tình cảm với anh T2 nữa. Xét thấy không thể tiếp tục chung sống, nay chị T1 yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Phạm Tiến T2. Về con chung: Chị T1 yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, trông nom, giáo dục 01 con chung là Phạm Phương Nhã U sinh ngày 02/10/2018 đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Tiến T2 trình bày: Anh Phạm Tiến T2 và chị Trần Thị Thanh T1 chung sống có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Uỷ ban nhân dân xã Quảng Trực theo quy định và có 01 con chung là Phạm Phương Nhã U sinh ngày 02/10/2018. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Nay anh T2 cũng không còn tình cảm gì với chị T1 nữa.Vì vậy, chị T1 có đơn xin ly hôn với anh thì anh đồng ý ly hôn. Về con chung: Anh T2 đồng ý để chị T1 là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Phương Nhã U, sinh ngày 02/10/2018 vì anh còn phải đi làm ăn xa không có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con. Về tài sản chung và nợ chung: Anh T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức xác định việc chấp hành của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS; nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS. Về quan điểm giải quyết, đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh T1.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh T1 và anh Phạm Tiến T2 chấm dứt quan hệ hôn nhân.

Về con chung và cấp dưỡng: Giao con chung là cháu Phạm Phương Nhã U cho chị Trần Thị Thanh T1 nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh T2 phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T1, anh T2 đều không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T1 là hộ nghèo nên được miễn nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp*: Chị Trần Thị Thanh T1 và anh Phạm Tiến T2 chung sống và có đăng ký kết hôn. Ngày 03/11/2023 chị T1 nộp đơn xin ly hôn với anh Phạm Tiến T2 và yêu cầu giải quyết nuôi 01 con chung là Phạm Phương Nhã U sinh ngày 02/10/2018. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Phạm Tiến T2 hiện cư trú tại thôn 6, xã Đắk Búk So huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị Thanh T1 và anh Phạm Tiến T2 kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông, giấy đăng ký số 46/2019 vào ngày 14/8/2019 trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Vào thời điểm kết hôn, cả chị T1 và anh T2 đều đã đủ tuổi kết hôn vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T1 và anh T2 là hợp pháp.

Về yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thanh T1: Chị T1 và anh T2 đều nhận thấy cuộc sống hôn nhân không được hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Trong quá trình làm việc, hoà giải tại Toà án nhân dân huyện Tuy Đức thì anh T2 cũng đồng ý ly hôn cùng với chị T1. Hiện tại cả hai vợ chồng thừa nhận đã sống ly thân từ năm 2020.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T1 và anh T2 là có thật; mâu thuẫn thường xuyên kéo dài làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thanh T1 là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Chị Trần Thị Thanh T1 và anh Phạm Tiến T2 có 01 con chung là Phạm Phương Nhã U sinh ngày 02/10/2018. Đến thời điểm xét xử, cháu U mới 05 tuổi 7 tháng và 7 ngày. Trong quá trình làm việc và hoà giải tại Tòa án thì anh T2 yêu cầu được nuôi con. Tuy nhiên ngày 18/3/2024 anh T2 gửi bản tự khai cho Tòa án và thay đổi yêu cầu xin nuôi con chung và đồng ý để cho chị T1 nuôi con chung vì anh còn phải đi làm ăn xa không có điều kiện chăm sóc con chung được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của chị T1 về việc giao 01 con chung

Phạm Phương Nhã U sinh ngày 02/10/2018 cho chị Trần Thị Thanh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

Anh Phạm Tiến T2 có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, anh T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu anh T2 lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con thì chị T1 có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T2.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

[4*] Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Trần Thị Thanh T1 không yêu cầu anh T2 phải cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T1, anh T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, cần chấp nhận.

[7] *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng; Chị Trần Thị Thanh T1 phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên chị T1 là hộ nghèo. Vì vậy miễn toàn bộ án phí Ly hôn sơ thẩm cho chị T1. Hoàn trả cho chị Trần Thị Thanh T1 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng),* tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức.

[8] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh T1.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh T1 được ly hôn với anh Phạm Tiến T2.

Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Phạm Phương Nhã U, sinh ngày 02/10/2018 cho chị Trần Thị Thanh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Phạm Tiến T2 có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, anh T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Nếu anh T2 lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con thì chị T1 có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T2.

Chị T1 có quyền yêu cầu anh T2 cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; không được cản trở anh T2 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Thanh T1 không yêu cầu anh T2 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Trần Thị Thanh T1. Hoàn trả cho chị Trần Thị Thanh T1 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng),* tiền tạm ứng án phí chị T1 đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001194 ngày 17/11/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện Tuy Đức;
- UBND xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông (ĐKKH số 46/2019);
- Các đương sự;
- Lưu HSVA. Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Phạm Văn Phiếm